



**Đông chí Nguyễn Tấn Dũng - Phó thủ Tướng Chính Phủ về thăm Duy Tiên năm 1997**

Đại hội cũng nghiêm túc kiểm điểm và chỉ ra một số tồn tại, yếu kém trong việc lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của huyện: Là huyện có điểm xuất phát về kinh tế thấp, kinh tế vẫn là thuần nông, ngành nghề kém phát triển. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, cơ sở hạ tầng ở nông thôn, nhất là hệ thống giao thông còn yếu kém, giải quyết việc làm để tăng thu nhập cho người dân vẫn là vấn đề đòi hỏi bức xúc, tệ nạn xã hội và những tiêu cực trong quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế chưa khắc phục được, tích lũy từ nội bộ các ngành kinh tế của huyện chưa đáng kể.

Đại hội xác định: những thuận lợi, khó khăn trên, đòi hỏi mỗi cấp ủy Đảng chính quyền và từng đảng viên phải có nhận thức và đánh giá đúng đắn, từ đó thống nhất hành động, xây dựng quyết tâm cao để tạo ra sức bật mới, vượt qua khó khăn, thử thách của thời kỳ mới.

Đại hội đã bàn và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996-2000: Tiếp tục tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh để sản xuất ra nhiều nông sản hàng hoá. Phát triển nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, cây màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản. Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào công nghiệp chế biến nông sản để nâng giá trị của nông sản phẩm. Mở rộng ngành nghề, làng nghề, hệ thống dịch vụ để thu hút lao động và tăng thu nhập cho bà con nông dân. Tạo môi trường thuận lợi để cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo điều kiện để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện từ thuần nông sang nông-công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đầu tư, nâng cấp và

xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn như đường, trường, điện, trạm y tế, nước sạch, cụm văn hóa thể thao... để từng bước cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho nhân dân. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh. Thực hiện tốt dân chủ và công bằng xã hội, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Những mục tiêu phấn đấu chủ yếu trong 5 năm 1996-2000 là: Phấn đấu năng suất lúa bình quân đạt 100 tạ/ha/năm, để có tổng sản lượng quy thóc đạt 74.400 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 66.200 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 500 kg/năm, giá trị một ha thu hoạch từ 20-25 triệu đồng/năm (giá lúa 2000 đồng/kg), đưa 30% diện tích chân 2 vụ lúa vào làm vụ đông.

Tổng đàn lợn hàng năm đạt 35000 con, tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 2600 tấn.

Giá trị hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 18 tỷ đồng ( giá trị cố định năm 1989), trong đó có 5 tỷ đồng hàng xuất khẩu.

Phấn đấu đến năm 2000, 100% số xã xây dựng trường học cao tầng, xây nhà trẻ, mẫu giáo kiên cố. Toàn huyện được công nhận phổ cập trung học cơ sở.

Có 50% số trạm xá có bác sỹ làm việc, 100% số xã xây dựng kiên cố, có đủ phương tiện, dụng cụ làm việc.

Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm 1,2%. Có 90 % gia đình được dùng nước sạch, không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 10%.

Các mục tiêu kinh tế tổng hợp: Tổng sản phẩm xã hội (GDP) hàng năm tăng 8-10% (trong đó ngành nông nghiệp tăng 4-5%, công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 13-15%, các ngành dịch vụ tăng 10-12%).

Cơ cấu trong tổng thu nhập sản phẩm xã hội: Ngành nông nghiệp chiếm 60-65%, công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp-xây dựng chiếm 15-20%, các ngành dịch vụ chiếm 15-20%.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIX gồm 31 đồng chí. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ lần thứ nhất đã bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nghiêm Đức Đạo được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Dưới ánh sáng nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện bước vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1996 với không khí thi đua lao động sản xuất mới. Song năm 1996 lại là năm Đảng bộ và nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn, thử thách lớn cả hai vụ chiêm, mùa.

Vụ chiêm xuân thời tiết diễn biến rất phức tạp, ít thấy trong vòng 36 năm trước đó: rét đậm, rét hại kéo dài làm chết 246 ha mạ và 1100 ha lúa. Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ Đảng, sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả của các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là sự nỗ lực của nhân dân toàn huyện đã giành được thắng lợi toàn diện trong sản xuất nông nghiệp. Việc bố trí cơ cấu giống lúa hợp lý và có nhiều giống lúa ngắn ngày có năng suất cao thích hợp với trà xuân muộn, gieo mạ bổ sung, tận dụng diện tích và cấy được 6697 ha, đạt 99,36 % kế hoạch, năng suất đạt

60,55 tạ/ha, đạt 112,2% kế hoạch. Sản lượng đạt 40.550 tấn, đạt 110,4 % kế hoạch. Có 6 hợp tác xã đạt từ 60-65 tạ/ha, có 2 hợp tác xã đạt đỉnh cao về năng suất, Tiên Hiệp đạt 67,3 tạ/ha, Châu Giang đạt 65,65 tạ/ha.

Sản xuất vụ mùa liên tiếp bị lũ lụt, áp thấp nhiệt đới và bão dồn dập từ tháng 7 đến tháng 11. Bão số 2 (24/7) làm ngập trắng 3100 ha lúa, 90 ha mạ và 305 ha màu, hầu hết cây ăn quả bị thiệt hại nặng, 32 ngôi nhà bị đổ, 1207 ngôi nhà bị tốc mái. Lũ sông Hồng vượt mức báo động số 3 là 92 cm (chỉ thấp hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1971 là 81 cm). Cùng thời điểm triều cường, ngày 23/8 bão số 4 đổ bộ đi qua địa bàn huyện với sức gió cấp 10, giật trên cấp 11 gây mưa lớn trên diện rộng. Trước khi bão đổ bộ đã xảy ra gió lốc ở xã Châu Giang, làm tốc mái nhiều ngôi nhà.

Cùng một lúc, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên phải chịu thử thách cả về bão, lũ, lụt, úng: Bối Chuyên Ngoại bị vỡ; đoạn đê sông Hồng đi qua Mộc Bắc bị sạt 30 m phía thượng lưu; bão số 4 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân 3 xã vùng ngoài đê sông Hồng: 15 ngôi nhà bị cuốn trôi, 210 ngôi nhà đổ, hệ thống giao thông, đường điện, trường học bị phá huỷ nặng nề, toàn bộ diện tích lúa vùng ngoài đê bị mất trắng. Tháng 11, trận mưa lớn trên 400 mm, làm ngập trắng 2300 ha lúa chưa gặt, 1243 ha ngô đông bị mất trắng. Đây là thiệt hại lớn nhất do thiên tai gây ra so với trước đó, ước tính tới 40 tỷ đồng. Toàn huyện tập trung cao độ cho công tác khắc phục hậu quả bão, lụt, úng. Lực lượng xung kích hộ đê các xã Chuyên Ngoại, Mộc Bắc, Mộc Nam, Châu Sơn, Duy Hải, Bạch Thượng, Yên Bắc, Hoàng Đông, Công ty khai thác



**Đồng chí Trương Mỹ Hoa - Phó Chủ tịch Nước về thăm Duy Tiên năm 1998**

công trình thuỷ lợi, trạm điện trung gian Hoà Mạc, Đồng Văn, Tiên Hiệp... cùng nhân dân trong huyện triển khai lực lượng tổng lực khắc phục hậu quả thiên tai, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Trước những khó khăn, cán bộ, nhân dân trong huyện luôn tin tưởng và đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, tỏ rõ bản lĩnh tự tin và chính sức mình, phát huy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý thức tự vươn lên, khắc phục mọi khó khăn và hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 1996. Do vụ chiêm được mùa, công tác thuỷ lợi được chỉ đạo triển khai tu sửa, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Vì vậy, tuy vụ mùa và vụ đông bị thiệt hại lớn, nhưng năng suất lúa cả năm vẫn đạt 98,78 tạ/ha, đạt 98,78 % kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 77.206 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 67.362 tấn, đạt 97,2% kế hoạch, nhưng là năm có sản lượng cao nhất so với trước đó. Bình quân lương thực đầu người đạt 553 kg /năm, đạt 116 % kế hoạch, tăng 4,7 % so với năm 1995.

Kết quả sản xuất năm 1996, là động lực thúc đẩy nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 khoá VIII, về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá được quán triệt nghiêm túc đến đảng viên. Các Đảng bộ cơ sở đều xác định được nội lực của chính mình là đất đai và lao động, để bảo đảm vững chắc về lương thực, mở rộng sản xuất hàng hoá, tập trung cho thâm canh, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng là nhiệm vụ trọng tâm

đảm bảo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ngày càng vững chắc. Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi trong sản xuất, nhiều hợp tác xã đã mạnh dạn đưa một số giống lúa trong nhóm xuân muộn có thời gian sinh trưởng từ 105-115 ngày cho năng suất cao, ổn định, khả năng chống chịu sâu bệnh khá vào sản xuất trong vụ đông xuân như Khang dân 18, Lương quảng 164, Tạp giao 1, Q5... Từ vụ đông xuân 1997-1998, nhiều hợp tác xã đã điều chỉnh lại cơ cấu mùa vụ, các trà xuân muộn từ 60-70% năm 1996, lên 90% ở hợp tác xã Tiên Hải; 96,4 % ở hợp tác xã Tiên Hiệp; 98% ở hợp tác xã Đới Sơn. Đặc biệt, hợp tác xã Châu Giang, thị trấn Hoà Mạc đã đưa vào gieo cấy 100% diện tích lúa xuân muộn cho năng suất đạt từ 58,9 tạ- 59,98 tạ/ha. Sản xuất vụ mùa cũng được điều chỉnh hợp lý. Do vậy, sản xuất nông nghiệp của huyện liên tục tăng trưởng và đạt mức cao nhất so với trước đó, cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, cơ chế quản lý được đổi mới một bước tạo điều kiện cho sản xuất phát triển. Sản xuất lương thực hàng năm đều giành được thắng lợi toàn diện. Diện tích gieo trồng tăng từ 18.535,6 ha (trong đó diện tích lúa cả năm là 14.033 ha, vượt kế hoạch 2,65%) năm 1997, lên 19.464 ha, vượt kế hoạch 3,4% (trong đó diện tích lúa 14.335 ha) vào năm 1999. Năng suất lúa tăng từ 100 tạ/ha năm 1997, lên 109,02 tạ/ha năm 1999. Bình quân 5 năm đạt 103,32 tạ/ha, vượt chỉ tiêu Đại hội XIX là 2,68 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân (1996-2000) đạt 81.356 tấn (riêng năm 1999 đạt 86.393 tấn) vượt 21.352 tấn so với bình quân 5 năm trước, vượt chỉ tiêu Đại hội 6.956 tấn và đạt mức cao nhất so với trước đó. Bình quân



lượng thực đầu người đạt 592 kg/năm, tăng 92kg so với kế hoạch và 142 kg so với bình quân 5 năm 1991-1995.

Sản xuất vụ đông được duy trì, đặc biệt là diện tích trên đất 2 vụ lúa. Sản lượng cây màu lương thực và cây lương thực tăng nhanh qua từng năm. Vụ đông đã dần trở thành vụ sản xuất chính trong năm, hệ số sử dụng đất tăng lên đáng kể, đạt xấp xỉ 2,5 lần/năm. Giá trị thu hoạch trên một ha gieo trồng đạt bình quân 24,3 triệu đồng/năm. Có được kết quả trên là do Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo có hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu mùa vụ kết hợp với tích cực đổi mới cơ cấu giống. Cùng với các loại cây màu truyền thống như ngô, khoai lang, đậu tương, cây lạc, đậu tằm, đậu, mía ... thì một số nghề mới như trồng dưa chuột xuất khẩu, trồng nấm đưa lại hiệu quả kinh tế cao được nhân dân đồng tình và nhân rộng.

Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng đã đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ phát triển. Ruộng đất được giao ổn định, hộ nông dân yên tâm sản xuất, đầu tư thâm canh, nông nghiệp liên tục được mùa, sản lượng lương thực tăng nhanh, do đó sản phẩm giành cho chăn nuôi ngày càng dồi dào, đa dạng. Những thành tựu khoa học kỹ thuật về giống con vật nuôi, thức ăn, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm, chăn nuôi theo quy trình công nghiệp, bán công nghiệp được nhân dân áp dụng rộng rãi đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm con vật nuôi. Công tác tiêm phòng định kỳ cho gia súc, gia cầm được duy trì thành nền nếp, số gia súc, gia cầm được tiêm phòng theo định kỳ hàng năm đạt yêu cầu đề ra, do đó đã hạn chế được đến mức thấp nhất thất thu, rủi ro cho hộ

chăn nuôi. Năm 1996, Ban chỉ đạo chống dịch của huyện kịp thời chỉ đạo trạm thú y cùng ban chăn nuôi thú y dập tắt ngay bệnh tụ huyết trùng trâu, bò trên địa bàn 15 xã và bệnh Biên trùng máu đàn bò tại thôn Dỹ Phố, xã Mộc Bắc.

Các cấp, các ngành đã làm tốt công tác phối hợp tạo nguồn vốn giúp hộ nông dân phát triển chăn nuôi, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho nhiều lao động khi nông nhàn. Tổng sản lượng thịt xuất chuồng hàng năm đạt 5.954 tấn (vượt 1.454 tấn so với kế hoạch, vượt 25,4 % so với 5 năm 1991-1995). Nghề nuôi cá, nuôi ong cũng được phát triển, tạo ra diện mạo mới trong cơ cấu nông nghiệp.

Riêng năm 1999, tổng đàn lợn (đến 1/10) có 43.000 con, đạt 100, 8 % so với năm 1995, trọng lượng xuất chuồng bình quân đạt 64 kg/con. Tổng đàn gà có 403.650 con, đạt 116 % so với năm 1995, trong đó có 190.000 con nuôi theo phương pháp công nghiệp. Đàn ngan có 25.570 con, đạt 127 % so với năm 1998. Đàn vịt có 70.220 con, đạt 169% so với năm 1998. Mặc dù đàn bò lai Sind có 2812 con, gấp 11 lần so với năm 1995 nhưng tổng đàn trâu, bò trong toàn huyện giảm mạnh do khâu làm đất đã cơ bản thực hiện được mục tiêu cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp. Đàn trâu có 1099 con, bằng 57 % của năm 1995, đàn bò có 3181 con, bằng 96,98 % năm 1995. Diện tích thả cá có 800 ha, sản lượng cá đạt 1112 tấn. Đàn ong có 860 đàn, đạt 391 % so với năm 1995, sản lượng mật đạt 4300 kg. Kết quả trên cho thấy chủ trương của Huyện uỷ về phát triển chăn nuôi toàn diện, đa dạng đã đưa lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần làm cho tỷ trọng chăn nuôi trong



Khu công nghiệp Đông Vân xây dựng năm 2000 đến năm 2005 đã có 70 doanh nghiệp đi vào sản xuất

nông nghiệp tăng nhanh, bình quân 5 năm (1996-2000) đạt 31 %. Chăn nuôi đã trở thành ngành sản xuất chính.

Ngày 20-1-1997, trạm bơm Yên Lệnh được khởi công xây dựng tại địa phận xã Chuyên Ngoại với công suất 75.000 m<sup>3</sup>/h, đảm bảo tiêu úng nhanh, hiệu quả cho 6 xã phía Bắc huyện và 2 xã phía Nam huyện Phú Xuyên (Hà Tây). Tổng kinh phí đầu tư là 34.230 triệu đồng, trong đó nguồn vốn do nhân dân địa phương đóng góp là 1.977 triệu đồng. Đến năm 1999, toàn bộ hạng mục công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Ngày 1-11-1997, Duy Tiên được tỉnh chọn làm địa điểm tổ chức lễ ra quân và phát động chiến dịch làm thủy lợi- đắp đê đông xuân 1997-1998 tại nhà văn hóa xã Bạch Thượng. Duy Tiên là huyện đi đầu hoàn thành khối lượng trước thời gian tỉnh giao.

Hàng năm, công tác thủy lợi và phòng chống lũ, bão úng được tập trung chỉ đạo và được coi là nhiệm vụ quan trọng của huyện. Đê sông Hồng với các tuyến đê chính và bồi được triển khai định kỳ theo đúng thời gian quy định với khối lượng hàng nghìn m<sup>3</sup>. Năm 1996, đã đào đắp 14.400 m<sup>3</sup> đạt 100% kế hoạch, duy tu, bảo dưỡng 12.700 m mặt đê từ nguồn vốn thu lệ phí các phương tiện giao thông qua đê. Huyện đã phối hợp với Sở Thủy lợi hoàn thành mở kè số 12 trong hệ thống kè Yên Ninh, khoan, sửa chữa 1km đê. Kịp thời báo cáo và được Bộ Thủy lợi cử cán bộ về cùng Sở Thủy lợi tiến hành xử lý 13 vết nứt dọc thân đê sông Hồng từ km 118+50 m đến km 118+75 m. Các tuyến đê nội đồng được triển khai đào đắp, củng cố theo dự án của công ty sông Nhuệ, với khối lượng đào đắp

30.000 m<sup>3</sup>. Năm 1999, đạt khối lượng thuỷ lợi nội đồng lớn nhất so với trước đó, đào đắp được 242.581 m<sup>3</sup> kênh mương, 14.369 m<sup>3</sup> đê sông con, đảm bảo được yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất.

Kiên cố hoá kênh mương là một chủ trương lớn của Chính phủ được tỉnh và huyện quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về vật chất để triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 08/CP ngày 9/7/1999, với các chủ trương và các biện pháp để kích cầu trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và kiên cố hoá kênh mương. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với công ty Khai thác công trình thuỷ lợi và các xã rà soát lại quy hoạch thuỷ lợi tiến hành lập dự án, khảo sát thiết kế để triển khai. Từ năm 1999, toàn huyện có 8 xã và công ty Khai thác công trình thuỷ lợi lập dự án cho 31 kênh với tổng chiều dài 12.360 m, kinh phí đầu tư 2.419.000.000 đồng. Đến tháng 2/2000, có 4 xã Châu Giang, Yên Bắc, Mộc Bắc, Duy Minh và công ty Khai thác công trình thuỷ lợi đã kiên cố hoá được 16 kênh có tổng chiều dài là 6.543 m, với kinh phí đầu tư là 1.316.000.000 đồng. Tuy khối lượng kiên cố hoá kênh mương chưa được nhiều, song đã đem lại lợi ích cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Đó là, đã mở rộng diện tích tưới, tiêu chủ động, rút ngắn thời gian tưới đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của sản xuất nông nghiệp. Lượng điện tiêu thụ cho tưới giảm từ 15-20%, đối với các kênh kiên cố hoá ở vùng bơm điện của công ty Khai thác công trình thuỷ lợi và của xã Mộc Bắc. Tận dụng được 7000 m<sup>2</sup> đất từ kiên cố hoá kênh mương để đưa vào sản xuất. Ngoài ra, kiên cố hoá kênh mương đã giải quyết được một phần vấn đề ô

nhiệm môi trường và mở rộng đường giao thông nông thôn, cải thiện môi trường sinh thái.

Trong 40 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần cải tiến tổ chức quản lý, đặc biệt là từ khi thực hiện chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khoá VI), hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp của huyện đã có những chuyển biến căn bản. Hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ sản xuất cá thể, tự túc, tự cấp, đã từng bước xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp đi vào thâm canh, chuyên canh, thực hiện thành công nhiệm vụ thủy lợi hoá, cải tạo đất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, từng bước cơ giới hoá, điện khí hoá vào sản xuất và chế biến, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn, nông nghiệp làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Trong quá trình thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới, ở khu vực nông thôn, nông nghiệp đã hình thành việc phân công lại lao động trong sản xuất, dịch vụ phục vụ sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xuất hiện những nhu cầu về hiệp tác, liên doanh, liên kết mới giữa các hộ nông dân và giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá.

Trước yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước thì mô hình của hợp tác xã nông nghiệp bộc lộ một số hạn chế và yếu kém: Chưa tạo

được động lực khuyến khích người lao động chăm lo xây dựng hợp tác xã; chưa khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai trong sản xuất kinh doanh; năng suất lao động chưa cao... Đó cũng là tình hình chung của nông nghiệp, nông thôn cả nước.

Từ thực tế trên, ngày 24/5/1996, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 68-CT/TW về phát triển kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế; ngày 21/2/1997 Chính phủ ban hành Nghị định số 16/CP về chuyển đổi, đăng ký hợp tác xã và tổ chức hoạt động của liên hiệp các hợp tác xã; ngày 14/11/1998 Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh uỷ, ngày 21/11/1998, Ban Thường vụ Huyện uỷ Duy Tiên ra Chỉ thị số 09-CT/HU về chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã theo Luật hợp tác xã; Uỷ ban nhân dân huyện đã xây dựng đề án thực hiện trong toàn huyện. Huyện uỷ xác định: Chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp nhằm giải quyết đồng bộ những vấn đề kinh tế- xã hội đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Từ đó phát huy nội lực kinh tế hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ phát triển, tăng cường lực lượng sản xuất, góp phần xây dựng phúc lợi xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, đổi mới hợp tác xã nông nghiệp phải dựa trên nguyên tắc: Các hộ nông dân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức để phát huy sức mạnh tập thể, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, đa dạng theo hướng sản xuất hàng hoá, giúp nhau xoá đói, giảm nghèo, cùng nhau xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Sau khi có Luật hợp tác xã, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã chủ động chỉ đạo tổ chức học tập, nghiên cứu nội dung luật, tập huấn nghiệp vụ và thăm quan nghiên cứu thực tế ở một số nơi như hợp tác xã Phú Triều, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây, hợp tác xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hoá để rút kinh nghiệm vận dụng vào địa phương; đồng thời tiến hành đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện, trên cơ sở đó xây dựng đề án chuyển đổi hợp tác xã theo luật, để lấy ý kiến tham gia rộng rãi trong Đảng bộ và nhân dân. Các xã, thị trấn thành lập ban trừ bị chuyển đổi hợp tác xã, xây dựng đề án, điều lệ hợp tác xã mới và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, mở đại hội xã viên để quyết định, và tiến hành đăng ký lại hợp tác xã theo luật.

Căn cứ Nghị quyết 01- NQ/TU của Tỉnh uỷ và xuất phát từ tình hình thực tiễn của huyện, Ban Thường vụ Huyện uỷ lựa mô hình: Chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp (cũ) thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (mới) trên cơ sở hầu hết xã viên của hợp tác xã nông nghiệp (cũ), với tên gọi là hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp.

Trước khi chuyển đổi, công tác kiểm kê, xử lý tài sản, vốn, quỹ và công nợ được tiến hành công khai. Vốn, tài sản còn lại bàn giao sang hợp tác xã mới và chuyển thành vốn góp của xã viên. Đối với công nợ, hợp tác xã rà soát số nợ phải thu, nợ phải trả, quy định rõ thời gian thu hồi.

Đến năm 1999, Duy Tiên đã hoàn thành việc chuyển đổi và đăng ký lại hoạt động của hợp tác xã theo luật, về mô hình vẫn giữ nguyên 25 hợp tác xã như trước, bao gồm 22 hợp tác xã



nông nghiệp chuyển thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; một hợp tác xã giao thông vận tải Hồng Tiến; 2 hợp tác xã thủ công nghiệp Nha Xá và Thống Nhất chuyển đổi thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Nha Xá và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Ngọc Động.

Về cơ bản những nội dung hoạt động của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp mới vẫn là những dịch vụ mà hợp tác xã nông nghiệp trước đó đã làm, nhưng được đổi mới, mở rộng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phục vụ dịch vụ và hạch toán theo quy định của Luật hợp tác xã.

Bộ máy quản lý hợp tác xã bao gồm Ban quản trị có 3 người (một chủ nhiệm, 2 phó chủ nhiệm, hoặc một phó chủ nhiệm, một uỷ viên ban quản trị); Ban kiểm soát: 3 người; cán bộ chuyên môn giúp việc cho ban quản trị (gồm kế toán trưởng, kế toán phụ, một thủ kho kiêm thủ quỹ); cán bộ kỹ thuật từ 1-2 người; cán bộ chuyên môn theo đề án dịch vụ; các trưởng thôn, xóm là người tiếp nhận tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ và được hợp tác xã trả thù lao ngoài quy định chức danh trưởng thôn, xóm do Uỷ ban nhân dân xã trả phụ cấp.

Trên cơ sở nguyên tắc: Tự nguyện, quản lý dân chủ, bình đẳng, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi, do đó việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp ở Duy Tiên được tiến hành thuận lợi, sau khi chuyển đổi, hợp tác xã nông nghiệp trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, hạch toán kinh doanh công khai, dân chủ theo đúng quy định của từng khâu dịch vụ phục vụ kịp thời sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã.

Thực hiện quyết định 115-QĐ/UB ngày 15/2/1992 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh về việc đổi mới tổ chức



**Đại hội Cháu Ngoan Bác Hồ huyện Duy Tiên năm 2000**



**Đoàn thanh niên CSHCM huyện tặng quà Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng  
Nguyễn Thị Khánh xã Tiên Hải**

quản lý hợp tác xã nông nghiệp nhằm tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VI), diện tích giao cho hộ nông dân đạt 80% so với tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, bình quân 1,4 sào/khẩu. Sau khi điều chỉnh theo Luật đất đai năm 1993 và quyết định 990/QĐ/UB ngày 28/9/1995, diện tích đất nông nghiệp giao ổn định cho hộ nông nghiệp là 89,7%. Tuy nhiên, do phương án giao ruộng có đủ xứ đồng, có chân ruộng tốt, chân ruộng xấu, có gần, có xa, có chân ruộng cao, ruộng trũng...cho nên bình quân số thửa là 8,3 thửa/hộ, có 3 xã bình quân từ 10-15 thửa/hộ.

Mô hình nhiều ô, nhiều thửa gây khó khăn cho việc đầu tư, thâm canh nhất là khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) khoá VIII. Do vậy, cùng với việc chuyển đổi hợp tác xã theo luật, Huyện uỷ đã ra Thông tri số 12-TT/HU về tăng cường quản lý, sử dụng đất đai. Đồng thời đặt nội dung dồn đổi ruộng đất thành một nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ.

Quán triệt thông tri của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã xây dựng đề án 684, ngày 28-10-1998 về “Chuyển đổi ruộng đất, kết hợp với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân” khắc phục tình trạng manh mún ở một số nơi trong huyện theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 7/5/1998 của Tỉnh uỷ về tăng cường quản lý, sử dụng đất đai. Đến 8-1999, đã có 12/22 xã tổ chức thực hiện dồn đổi ruộng đất, có 140 thôn, xóm thực hiện dồn đổi, đạt 59,82 % so với tổng số thôn xóm trong toàn huyện, bình quân từ 4-5

thửa/hộ, đến cuối năm 1999 có 63,5 % diện tích được chuyển đổi theo đề án. Các xã Châu Giang đạt bình quân từ 3,6-5,4 thửa/hộ; xã Tiên Nội đạt 4 thửa/hộ, thôn Kim Lũ có 47 hộ dồn đổi còn một thửa/hộ; xã Tiên Ngoại đạt 4,7 thửa/hộ, có 15 hộ nhận một thửa và 42 hộ nhận 2 thửa/hộ. Đặc biệt, xã Yên Bắc là đơn vị hoàn thành sớm việc thực hiện đề án dồn đổi ruộng đất, có 121 hộ nhận 1 thửa tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, thâm canh và tăng các nhu cầu sử dụng dịch vụ trong sản xuất. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Yên Bắc là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả, đạt nhiều thành tích quan trọng, sản xuất kinh doanh có kết quả, do vậy năm 2000, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn còn chậm. Tiềm năng, thế mạnh của huyện chưa được phát huy. Kinh tế phát triển chưa toàn diện, trong kinh tế mới tập trung vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và trong nông nghiệp mới tập trung vào sản xuất lúa. Nhưng trong sản xuất lúa thì việc chuyển dịch cơ cấu giống ở một số địa phương còn chậm. Sản xuất vụ đông phát triển chưa mạnh, một số vùng có biểu hiện giảm sút. Một số hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả, còn yếu trong quản lý kinh tế, còn để xảy ra thất thoát tài sản của tập thể, một số cán bộ lợi dụng thu vén cá nhân, gây dư luận không tốt trong nhân dân. Trong chăn nuôi, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, vẫn mang tính tự cung, tự cấp, chưa thực sự trở thành sản phẩm hàng hoá, thị trường tiêu thụ chưa được mở rộng, nhất là chưa tham gia được vào thị trường hàng hoá xuất khẩu. Diện tích hồ, ao trong khu dân cư phân

lớn còn tổ chức chăn nuôi theo phương thức quảng canh, chưa đi sâu vào đầu tư, cho nên hiệu quả thu về chưa cao.

Với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, cho nên cùng với phát triển sản xuất công nghiệp, những ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống được duy trì và mở rộng như ươm tơ, dệt lụa, dệt dũi ở Nha Xá, mây giang đan xuất khẩu ở Ngọc Động (Hoàng Đông), thêu ren xuất khẩu, làm trống ở Đới Tam (Đới Sơn), thu hút 22 % lao động trong nông thôn (năm 1996). Nhiều tổ hợp gia đình đã đầu tư công cụ lao động bằng cơ khí cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, cho thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm. Nhiều mặt hàng truyền thống như mây giang đan, tơ, lụa, có thị trường xuất khẩu tương đối ổn định.

Các ngành nghề khác như xay sát, chế biến lương thực, long nhãn, sản xuất nước giải khát, đặc biệt là đồ gỗ trang trí nội thất, vật liệu xây dựng phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Một số xí nghiệp của tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn huyện, tuy mới đi vào hoạt động nhưng sản phẩm được người tiêu dùng tín nhiệm, sản phẩm tiêu thụ nhanh như xí nghiệp gạch Tuynen Mộc Bắc, xí nghiệp sản xuất tấm lợp ở Tiên Tân, bê tông đúc sẵn ở thị trấn Đông Văn... Tổng giá trị công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh qua từng năm. Bình quân 5 năm 1996-2000, đạt 56.492 triệu đồng/năm, tăng gần 23 tỷ đồng/năm so với 5 năm 1991-1995, trong đó giá trị xuất khẩu (USD) đạt xấp xỉ 1.700.000 USD/năm, tăng gần 1.000.000 USD/năm, so với 5 năm trước. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển, đóng vai trò rất lớn

trong việc chuyển dịch cơ cấu thu nhập, cơ cấu lao động các ngành kinh tế trên địa bàn.

Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn được đầu tư xây dựng: trụ sở làm việc của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân, các ngành, đoàn thể trong huyện, các công trình văn hóa như đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sỹ, bể bơi, khu vui chơi cho thiếu nhi, nâng cấp sân vận động tại trung tâm huyện., xây dựng trạm bơm Yên Lệnh, xây dựng, nâng cấp các công trình thuỷ lợi nội đồng, xây dựng giao thông nông thôn. Đến năm 2000, 100 % các xã, thị trấn xây dựng được trường học cao tầng, nhiều xã có từ 2-3 ngôi trường cao tầng như Mộc Bắc, Mộc Nam, Chuyên Ngoại, Yên Bắc. Các trường phổ thông trung học Duy Tiên A, B, bệnh viện huyện được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. 19 xã, thị trấn xây dựng được trạm y tế kiên cố. 90 % số hộ được dùng nước sạch cho sinh hoạt. Hệ thống trạm điện, lưới điện được nâng cấp, tu sửa thường xuyên. Từ năm 1997, 100% số hộ đã được dùng điện trong sinh hoạt và một phần cho sản xuất.

Tổng kinh phí đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn trên địa bàn huyện trong 5 năm đạt hơn 50 tỷ đồng. Đây thực sự là một cố gắng rất lớn của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện trong thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời cũng khẳng định việc vận dụng chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng huyện là đúng hướng và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Chấp hành Chỉ thị số 04 - CT/TU, ngày 12/3/1997 của Tỉnh uỷ về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn trong 2 năm 1997- 1998, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX nhằm nhanh chóng củng cố và hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, củng cố quốc phòng, đáp ứng yêu cầu đổi mới, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; ngày 9-4-1997 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ra Nghị quyết số 05- NQ/HU về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn 2 năm 1997- 1998, Nghị quyết xác định, trong 2 năm tập trung khai thác mọi nguồn lực trong nhân dân, quyết tâm hoàn thành hệ thống giao thông nông thôn của huyện, với tư tưởng chỉ đạo là từ huyện đến cơ sở coi đây là một nhiệm vụ phải tập trung chỉ đạo cao độ cả trí tuệ, sức lực đi đôi với vận động thuyết phục, tổ chức quần chúng bằng những việc làm cụ thể. Từng mét đường mới làm là thể hiện tinh thần cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiến công vào nghèo nàn lạc hậu ở nông thôn; mở ra thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phải lấy sự đóng góp của nhân dân là nguồn lực quyết định, để nhanh chóng hoàn thành khối lượng xây dựng trong 2 năm (1997-1998), theo mục tiêu chung là: Nhựa hoá đường huyện, đường xã và liên xã, bê tông hoá hoặc lát gạch nghiêng đường thôn và đường xóm, rải mặt cứng toàn bộ đường ra đồng ruộng. Về chất lượng, Nghị quyết yêu cầu đường huyện phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn cấp 6 đường đồng bằng. Đường xã, liên xã đảm bảo chỉ giới giao thông và phần đầu đạt tiêu chuẩn cấp 6 đường đồng bằng. Đường thôn, xóm, liên thôn,

liên xóm đảm bảo các phương tiện có trọng tải từ 5 tấn trở xuống đi lại được bình thường. Đường ra đồng ruộng đảm bảo yêu cầu phục vụ các phương tiện thông dụng như xe thô, xe cải tiến, công nông hoạt động bình thường. Các công trình phải đáp ứng quy trình kỹ thuật và hiệu quả kinh tế, sử dụng bền chắc, đảm bảo cả trước mắt và lâu dài.

Triển khai Chỉ thị 04-NQ/TU, Nghị quyết 05- NQ/HU, hưởng ứng chiến dịch làm đường giao thông trong toàn tỉnh, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã phát động chiến dịch làm đường giao thông 2 năm (1997-1998) xuống các xã, thị trấn. Được Uỷ ban nhân dân tỉnh hỗ trợ 220 tấn xi măng Kiện Khê, huyện cấp 200 m<sup>3</sup> đá hộc/xã, huyện Kim Bảng, Bình Lục (là đơn vị làm đường giao thông giỏi của tỉnh) hỗ trợ vật tư trị giá 50 triệu đồng và 15 tấn xi măng, phong trào đã phát huy tốt nguồn nội lực trong nhân dân và được nhân dân tích cực tham gia. Bằng mọi nguồn: cấp vốn, vật tư, huy động sức người, sức của cho chiến dịch làm đường. Nhiều xã đã trích ngân sách hỗ trợ các thôn xóm để làm đường bằng các nguyên liệu như xi măng, đá, gạch ở Lam Hạ, Tiên Hải, Đọi Sơn, Châu Giang, Bạch Thượng. Riêng xã Hoàng Đông cấp cho các thôn xóm 85 tấn xi măng; xã Mộc Bắc, Yên Nam cấp cho mỗi thôn xóm 5 triệu đồng. Nhiều xã tổ chức huy động rất tốt khả năng đóng góp của nhân dân: Xã Yên Bắc huy động được từ 56.000 – 223.000 đồng/khẩu ở đội 11 và đội 23 và đến năm 1998, có 12 thôn hoàn thành làm đường giao thông. Các xã Trác Văn, Duy Minh, Châu Sơn, Tiên Hiệp, Yên Nam, Tiên Nội, Tiên Tân, huy động từ 30-200.000 đồng/khẩu. Một số xã huy động từ nguồn hỗ trợ của con, em sống xa quê hương cho xây dựng đường giao thông. Các tuyến đường liên xã,





**Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thăm Duy Tiên năm 2000**

liên thôn sử dụng kết cấu mặt đường nhựa, đường liên thôn, xóm bằng chất liệu bê tông hoặc vỉa gạch nghiêng, đường cấp phối đối với các tuyến đường ra đồng

Chỉ trong một tháng ra quân, toàn huyện đã làm được 58 km đường, trong đó kết cấu mặt đường bê tông là 30,90 km, đường nhựa là 5,80 km, đường vỉa gạch nghiêng là 18,60 km, đường cấp phối 2,70 km với tổng kinh phí đầu tư 4.966 triệu đồng. Đến năm 2000, phần lớn các tuyến đường huyện được rải nhựa, 80 % đường xã, thôn, xóm được rải nhựa, bê tông, vỉa gạch nghiêng, đổ hỗn hợp “ba ta” hoặc rải đá cấp phối.

Hoạt động thương nghiệp đã vươn lên làm chủ thị trường, nắm khâu bán buôn, để chi phối khâu bán lẻ, nắm bắt thông tin, chọn lọc thị trường tiêu thụ, đảm bảo cung ứng hàng hoá vật tư kỹ thuật. Hệ thống thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đã tạo điều kiện cho thị trường hoạt động ổn định và có bước tăng trưởng khá. Công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Hàng hoá đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Ưu thế thương mại dịch vụ ven quốc lộ 1A và 38 từng bước được khai thác có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho ngân sách và thị trường dịch vụ sôi động hơn.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp phát triển chưa mạnh và không đồng đều, một số địa phương còn chậm phát triển, nhiều lao động còn thiếu việc làm. Kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ở một số địa phương còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhân dân cùng Nhà nước để